

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Tiếp theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên; số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, tỉnh Điện Biên; số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; số 105/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về việc thông qua kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 CTMTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng 11 năm 2022, Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS, ngày tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 (bao gồm cả vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022), gồm những nội dung như sau:

I. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025

1. Tổng số vốn đã giao: Tổng vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022: 7.123.595 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSĐP: 3.734.700 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 3.219.795 triệu đồng.
- Vốn sở sở kiến thiết: 168.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 1.100 triệu đồng.

2. Số vốn điều chỉnh giảm: 78.800 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng: 320.500 triệu đồng từ nguồn thu đầu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh quản lý (do chưa được đưa vào cân đối bố trí trong kế hoạch theo Nghị quyết phê duyệt của HĐND).

- Điều chỉnh giảm: 399.300 triệu đồng do nguồn sử dụng đất trên địa bàn xã, phường, thị trấn từ năm 2022 theo phân cấp tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 thuộc ngân sách cấp huyện quản lý (đã bố trí trong kế hoạch theo Nghị quyết của HĐND tỉnh).

3. Tổng nguồn vốn sau điều chỉnh: 7.044.795 triệu đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSĐP: 3.734.700 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 3.140.995 triệu đồng.
- Vốn sở sở kiến thiết: 168.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 1.100 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 1 kèm theo)

II. Điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch trung hạn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:

1. Điều chỉnh tổng nguồn thu đầu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh

- Tổng nguồn đã giao: 2.766.045 triệu đồng.
- Kế hoạch bổ sung: 320.500 triệu đồng.
- Kế hoạch sau điều chỉnh: 3.086.545 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 1,2 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn

- Kế hoạch đã giao: 453.750 triệu đồng.
- Điều chỉnh giảm: 399.300 triệu đồng. Do thực hiện phân cấp thu chi theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.
- Kế hoạch sau điều chỉnh: 54.450 triệu đồng (bằng số đã thực hiện năm 2021).

(Chi tiết như Biểu số 1 kèm theo)

3. Điều chỉnh để xử lý phần hụt thu từ nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn đã đưa vào phân bổ chi tiết:

- Tổng số vốn hụt nguồn so với Kế hoạch trung hạn đã phân bổ chi tiết là: 110.710 triệu đồng.

- Thực hiện cắt giảm số đã phân bổ chi tiết: 110.710 triệu đồng, gồm:

+ Giảm 23.640 triệu đồng phần vốn trung hạn còn lại chưa giao chi tiết (tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 của HĐND tỉnh).

+ Giảm 87.070 triệu đồng của 02 dự án (thực hiện chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030).

(Chi tiết như Biểu số 3 kèm theo)

4. Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung từ nguồn thu đầu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh: Tổng số vốn phân bổ: 320.500 triệu đồng cho 05 dự án, gồm:

+ Dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2: 89.000 triệu đồng.

+ Dự án Nhà khách tỉnh Điện Biên: 60.000 triệu đồng.

+ Dự án Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên: 145.000 triệu đồng.

+ 02 dự án để xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã biên giới là 26.500 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 2 kèm theo)

III. Điều chỉnh, phân bổ chi tiết vốn đầu tư XDCB trong cân đối ngân sách địa phương, vốn xố số kiến thiết kế hoạch trung hạn

1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm 57.803 triệu đồng kế hoạch trung hạn của 04 dự án.

- Điều chỉnh tăng 57.803 triệu đồng, bao gồm: Tăng kế hoạch trung hạn cho 04 dự án 22.203 triệu đồng; Đối ứng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới 35.600 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 4 kèm theo)

2. Phân bổ nguồn vốn dự phòng NSDP (10%):

- Nguồn vốn dự phòng (10%) chưa phân bổ chi tiết là 30.964 triệu đồng.

- Phân bổ 24.600 triệu đồng cho 02 dự án.

- Nguồn dự phòng còn lại 6.364 triệu đồng để xử lý những vấn đề cấp bách, phát sinh khác trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch trung hạn.

(Chi tiết như Biểu số 5 kèm theo)

3. Phân bổ vốn Xố số kiến thiết thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới:

- Vốn Xổ số kiến thiết thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới chưa phân bổ chi tiết: 13.800 triệu đồng.

- Dự kiến phân bổ: 13.000 triệu đồng cho Thành phố Điện Biên Phủ phần đầu hoàn thành xây dựng nông thôn mới (thực hiện 03 dự án).

- Phần vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết: 800 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 6 kèm theo)

IV. Điều chỉnh kế hoạch năm 2022 và kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022

1. Điều chỉnh chi tiết vốn ngân sách địa phương năm 2022

- Vốn NSDP cấp tỉnh quản lý:

+ Điều chỉnh giảm 43.790 triệu đồng của 14 dự án.

+ Điều chỉnh tăng 43.790 triệu đồng cho 26 dự án.

- Vốn Xổ số kiến thiết:

+ Điều chỉnh giảm 10.350 triệu đồng kế hoạch vốn của 05 dự án,

+ Điều chỉnh tăng 10.350 triệu đồng cho 03 dự án.

(Chi tiết như Biểu số 7 kèm theo)

2. Điều chỉnh chi tiết vốn NSDP năm 2021 kéo dài sang năm 2022

- Điều chỉnh giảm 19.123 triệu đồng của 02 dự án, gồm: 13.151 triệu đồng của Dự án Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên và 5.972 triệu đồng của Dự án Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên.

- Điều chỉnh tăng 19.123 triệu đồng cho dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2.

(Chi tiết như Biểu số 8 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

- Điều chỉnh giảm 46.059 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 46.059 triệu đồng.

- Điều chỉnh tên dự án cho phù hợp với nội dung đầu tư thực tế: 01 dự án.

(Chi tiết như Biểu số 9 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

Biểu số 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ	19.065.387	320.500	399.300	18.986.587	
I	Vốn ngân sách địa phương	7.123.595	320.500	399.300	7.044.795	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSDP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:	3.734.700	0	0	3.734.700	
1.1	Phân bổ chi tiết 90% (trong đó: Dành 30% bổ sung NS cấp huyện quản lý; 70% thuộc NS cấp tỉnh quản lý)	3.361.230	0	0	3.361.230	
1.2	Dự phòng 10%	373.470	0	0	373.470	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.219.795	320.500	399.300	3.140.995	
1	Thu từ đầu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh theo NQ 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	2.766.045	320.500	0	3.086.545	Phân bổ, điều chỉnh chi tiết tại Biểu số 2
2	Thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016	453.750	0	399.300	54.450	Số vốn đã bố trí năm 2021. Từ năm 2022 trở đi thực hiện theo NQ số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
	Trong đó:					

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
2.1	Chi đầu tư ngân sách cấp tỉnh trong CĐNSDP	204.188	0	176.963	27.225	Xử lý phần hụt thu (176.963trđ) đã đưa vào phân bổ chi tiết cho các dự án cấp tỉnh Tại Biểu số 3.
2.2	Chi cấp bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất	204.188	0	176.963	27.225	
2.3	Chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định khác	45.374	0	45.374	0	
3	Vốn xố số kiến thiết	168.000	0	0	168.000	
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.100	0	0	1.100	
II	Vốn Ngân sách trung ương	7.602.955	0	0	7.602.955	
1	Vốn trong nước	6.789.720			6.789.720	
2	Vốn nước ngoài	813.235			813.235	
III	Vốn Chương trình MTQG	4.338.837	0	0	4.338.837	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.530.902			2.530.902	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.434.515			1.434.515	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	373.420			373.420	

Biểu số 2
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỔ TRÍ TỪ NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương hoặc Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 (đã giao tại NQ số 88/NQ-HĐND)		Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn thu từ đấu giá đất	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn thu từ đấu giá đất	Dự kiến vốn thu từ đấu giá đất từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	TỔNG SỐ		4.169.500	3.382.221	510.223	221.838	3.281.448	2.766.045	320.500	0	3.651.948	3.086.545	139.000	954.045	869.500	984.000	140.000	
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pù Tầu)	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021; 1386/QĐ-UBND 11/8/2022	550.000	90.883	288.385		254.286	30.883			254.286	30.883		30.883				
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND 14/8/2020	1.100.000	1.100.000	100.000	100.000	1.000.000	855.000		0	1.000.000	855.000	139.000	716.000				
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	106/QĐ-UBND 13/02/2017; 3407/QĐ-UBND 31/12/2021	310.000	121.838	121.838	121.838	188.162	188.162			188.162	188.162		188.162				Năm 2022 đã giao chi tiết 71.691 trđ tại QĐ số 224/QĐ-UBND 8/2/2022; 497/QĐ-UBND 14/3/2022
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	83/NQ-HĐND 02/4/2022	200.000	200.000			200.000	200.000			200.000	200.000		5.000	195.000			
5	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh	84/NQ-HĐND 02/4/2022	702.000	702.000			702.000	702.000			702.000	702.000		7.000	295.000	400.000		
6	Xây dựng khối nhà các cơ quan, sở ban ngành đoàn thể và Mặt trận tổ quốc tỉnh	85/NQ-HĐND 02/4/2022	790.000	790.000			790.000	790.000			790.000	790.000		7.000	323.000	460.000		
7	Dự án Xây dựng Thảo trường khu vực hướng Tây Quận khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	146.000			57.000		89.000		146.000	89.000		20.000	69.000			57.000 bổ trí từ nguồn cân đối NSDP
8	Nhà khách tỉnh Điện Biên		150.000	60.000			90.000		60.000		150.000	60.000					60.000	
9	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	18/NQ-HĐND 29/6/2021	195.000	145.000					145.000		195.000	145.000		30.000	45.000	70.000		

(Kèm theo Nghị quyết số

/NG-HĐND ngày

/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

5

Biểu số 4

CHI TIẾT DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương hoặc Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn ngân sách địa phương 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 vốn NSDP sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Đã giao năm 2021	Đã giao năm 2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ		597.779	510.367	249.197	206.517	7.080	57.803	57.803	249.197	
I	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW				80		80	80	80	80	
1	Đường Rạng Đông - Ta Ma				80		80		80		Điều chỉnh do nhầm tên danh mục khi lập KH trung hạn
2	Dự án trung tâm đào tạo cộng đồng huyện Tuần Giáo							80		80	
II	Các dự án trọng điểm của tỉnh		407.992	407.992	213.517	206.517	7.000		22.123	191.394	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		407.992	407.992	213.517	206.517	7.000		22.123	191.394	
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	142.849	135.849	7.000		16.151	126.698	Hết nhu cầu. Điều chỉnh KH vốn năm 2021 kéo dài và năm 2022
2	Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1083/QĐ-UBND 29/10/2019	147.992	147.992	70.668	70.668			5.972	64.696	Hết nhu cầu. Điều chỉnh KH vốn năm 2021 kéo dài
III	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội		18.000	18.000				17.652		17.652	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		18.000	18.000				17.652		17.652	
1	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2043/QĐ-UBND 07/11/2022	14.000	14.000				13.800		13.800	
2	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2003/QĐ-UBND 01/11/2022	4.000	4.000				3.852		3.852	
IV	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		86.984	48.775	35.600			4.471	35.600	4.471	
IV.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		86.984	48.775	35.600			4.471	35.600	4.471	

[illegible]

13

Biểu số 5

PHÂN BỐ CHI TIẾT DỰ PHÒNG (10%) KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 vốn NSDP dự phòng (10%)						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Chi tiết vốn từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Năm 2021	Năm 2022	Dự kiến Năm 2023	Dự kiến Năm 2024	Dự kiến Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				373.470	66.253	66.253	76.000	80.500	79.464	
1	Dự phòng đã trích lập và giao thực hiện các năm 2021, 2022				132.506	66.253	66.253	0	0	0	
2	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	82/NQ-HĐND 02/4/2022	210.000	210.000	210.000			71.400	72.500	61.100	Đã giao tại NQ88
3	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	982/QĐ-UBND 30/5/2022	14.600	14.600	14.600			4.600	5.000	5.000	
4	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	983/QĐ-UBND 30/5/2022	10.000	10.000	10.000				3.000	7.000	
5	Dự phòng còn lại chưa phân bổ				6.364					6.364	

Biểu số 6

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THUỘC CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 vốn XSKT						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Chi tiết vốn từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Năm 2021	Năm 2022	Dự kiến Năm 2023	Dự kiến Năm 2024	Dự kiến Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				16.800	3.000	0	7.100	3.500	3.200	
1	Số vốn đã giao thực hiện năm 2021, 2022				3.000	3.000					Năm 2021 giao tại 650/QĐ-UBND 4/5/2021
2	Phân bổ vốn cho huyện phần đầu hoàn thành xây dựng Nông thôn mới (TP Điện Biên Phủ)		13.000	13.000	13.000	0	0	7.100	3.500	2.400	
-	Đường giao thông bản kéo, xã Pá Khoang, TP ĐBP		3.550	3.550	3.550			3.000	550		
-	Đường giao thông bản Hà, Xã Pá Khoang, TP ĐBP		4.500	4.500	4.500			4.100	400		
-	Đường giao thông bản Bó, Xã Pá khoang, TP ĐBP		4.950	4.950	4.950				2.550	2.400	
3	Số vốn còn lại chưa phân bổ				800					800	

15

Biểu số 7

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
	TỔNG SỐ		1.723.499	1.092.961	270.640	54.140	54.140	270.640	
I	NSDP cấp tỉnh quản lý		1.548.239	947.369	249.512	43.790	43.790	249.512	
I.1	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW				80	80	80	80	
1	Đường Rạng Đông - Ta Ma				80		80		Dự án bị nhầm tên khi lập KH trung hạn
2	Dự án trung tâm đào tạo cộng đồng huyện Tuần Giáo					80		80	
I.2	Các dự án trọng điểm		260.000	260.000	7.000		3.000	4.000	
(1)	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>		<i>260.000</i>	<i>260.000</i>	<i>7.000</i>		<i>3.000</i>	<i>4.000</i>	
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	7.000		3.000	4.000	Hết nhu cầu
I.3	Phân theo ngành/lĩnh vực		1.288.239	687.369	242.432	43.710	40.710	245.432	
1	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng		51.351	16.351	3.794	1.000	307	4.487	
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</i>		<i>46.351</i>	<i>11.351</i>	<i>794</i>		<i>307</i>	<i>487</i>	
1	Đường ra biên giới Na Cô Sa - Mốc A6	1043/QĐ-UBND 10/10/2011	46.351	11.351	794		307	487	Hết nhu cầu
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>5.000</i>	<i>5.000</i>	<i>3.000</i>	<i>1.000</i>		<i>4.000</i>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
1	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chi huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh	3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	3.000	1.000		4.000	
2	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		137.190	111.903	48.000	19.500		67.500	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>		<i>109.290</i>	<i>84.003</i>	<i>42.000</i>	<i>12.000</i>		<i>54.000</i>	
1	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	5.000	1.000		6.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP	576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	5.000	2.000		7.000	
3	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP	597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	5.000	2.000		7.000	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	7.000	2.000		9.000	
5	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sìn xã Leng Su Sìn	1515/QĐ-UBND 31/12/2020; 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	8.000	1.000		9.000	
6	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	6.000	2.000		8.000	
7	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ	1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	6.000	2.000		8.000	
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>27.900</i>	<i>27.900</i>	<i>6.000</i>	<i>7.500</i>		<i>13.500</i>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	2.000	2.000		4.000	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	2.000	2.000		4.000	
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa	3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	2.000	3.500		5.500	
3	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình		24.850	24.850	9.700	2.000	4.000	7.700	
(1)	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>		<i>14.850</i>	<i>14.850</i>	<i>7.700</i>		<i>4.000</i>	<i>3.700</i>	
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên	1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	7.700		4.000	3.700	GN không đạt yêu cầu
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>		<i>4.000</i>	
1	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	2.000	2.000		4.000	
4	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin		220.680	39.119	14.688		110	14.578	
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</i>		<i>220.680</i>	<i>39.119</i>	<i>14.688</i>		<i>110</i>	<i>14.578</i>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
1	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh DB	903/QĐ-UBND 8/9/2011, 280/QĐ-UBND 10/3/2021	220.680	39.119	14.688		110	14.578	Hết nhu cầu
5	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn		16.900	10.000	10.000		1.000	9.000	
(1)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>16.900</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>		<i>1.000</i>	<i>9.000</i>	
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	10.000		1.000	9.000	GN không đạt yêu cầu
6	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		756.618	411.396	133.374	13.010	35.293	111.091	
6.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		395.516	210.616	74.174		24.850	49.324	
(1)	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>		<i>122.500</i>	<i>110.500</i>	<i>67.674</i>		<i>18.600</i>	<i>49.074</i>	
1	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019	60.000	60.000	38.174		4.000	34.174	GN không đạt yêu cầu
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500		14.600	14.900	GN không đạt yêu cầu
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>273.016</i>	<i>100.116</i>	<i>6.500</i>		<i>6.250</i>	<i>250</i>	
1	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	6.500		6.250	250	GN không đạt yêu cầu
6.2	Giao thông		177.500	36.700	24.573	3.500	4.561	23.512	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</i>		105.000	10.500	9.773		1.000	8.773	
1	Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng	702/QĐ-UBND 27/7/2011; 413/QĐ-UBND 04/6/2014	105.000	10.500	9.773		1.000	8.773	Hết nhu cầu
(2)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>		72.500	26.200	14.800	3.500	3.561	14.739	
1	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hô Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	3.000	2.000		5.000	
2	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hô Nậm Cản, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800		3.561	239	GN không đạt yêu cầu
3	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	8.000	1.500		9.500	
6.3	Cấp thoát nước		14.500	14.500	2.500	2.000		4.500	
(1)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		14.500	14.500	2.500	2.000		4.500	
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	2.500	2.000		4.500	
6.4	Du lịch		77.142	75.580	12.077	2.010	1.742	12.345	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
(1)	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>		64.142	62.580	9.500		1.742	7.758	
1	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	301 06/4/2011; 545/QĐ-UBND 05/7/2018; 568/QĐ-UBND 16/6/2020	64.142	62.580	9.500		1.742	7.758	Hết nhu cầu
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		13.000	13.000	2.577	2.010		4.587	
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	2.577	2.010		4.587	
6.5	Công nghệ thông tin		22.460	22.460	12.550		3.640	8.910	
(1)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		22.460	22.460	12.550		3.640	8.910	
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	12.550		3.640	8.910	GN không đạt yêu cầu
6.6	Quy hoạch		9.700	9.700	500		500		
(1)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		9.700	9.700	500		500		
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ		9.700	9.700	500		500		Dự án chưa thực hiện được
6.7	Công trình công cộng tại các đô thị		59.800	41.840	7.000	5.500		12.500	
(1)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		59.800	41.840	7.000	5.500		12.500	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
1	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	5.000	3.500		8.500	
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)	3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	2.000	2.000		4.000	
7	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN		54.150	47.250	20.876	6.000		26.876	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>		<i>27.200</i>	<i>20.300</i>	<i>13.876</i>	<i>3.000</i>		<i>16.876</i>	
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP	629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	4.000	1.000		5.000	
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	5.000	1.000		6.000	
3	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	4.876	1.000		5.876	
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>26.950</i>	<i>26.950</i>	<i>7.000</i>	<i>3.000</i>		<i>10.000</i>	
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	3.000	2.000		5.000	
2	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	4.000	1.000		5.000	
8	Ngành/lĩnh vực: Xã hội		9.500	9.500	2.000	2.000		4.000	
(1)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>9.500</i>	<i>9.500</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>		<i>4.000</i>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSDP		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	11	12	13	14
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	2.000	2.000		4.000	
9	Vốn Chuẩn bị đầu tư		17.000	17.000		200		200	
1	'Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	3152/QĐ-UBND 02/12/2021	17.000	17.000		200		200	
II	Vốn xố số kiến thiết		175.260	145.592	21.128	10.350	10.350	21.128	
II.1	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		164.260	134.592	15.715	7.350	6.600	16.465	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>		<i>121.810</i>	<i>95.989</i>	<i>3.967</i>		<i>2.652</i>	<i>1.315</i>	
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	3.967		2.652	1.315	GN không đạt yêu cầu
(2)	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>		<i>24.000</i>	<i>24.000</i>	<i>8.000</i>	<i>7.350</i>	<i>200</i>	<i>15.150</i>	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	3.000	5.000		8.000	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quài Tở, huyện Tuần Giáo	2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	2.000	2.350		4.350	

Biểu số 8

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 KÉO DÀI SANG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

25

Biểu số 9

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐTPPT NGUỒN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn GNBV	Tổng số	Tr.đó: Đã giao năm 2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ		197.168	157.168	212.768	117.010	46.059	46.059	212.768	
A	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		9.183	9.183	12.322	5.290	3.140	3.140	12.322	
	Tiểu DA3: Hỗ trợ việc làm bền vững									
	Sở Lao động-TBXH		9.183	9.183	12.322	5.290	3.140	3.140	12.322	
1	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên	1407/QĐ-UBND 13/8/2022	9.182,67	9.182,67	12.322	5.290		3.140	9.182	Phê duyệt giảm TMĐT
2	Vốn chưa phân bổ				-		3.140		3.140	chưa có nội dung đề xuất
B	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		187.985	147.985	200.446	111.720	42.919	42.919	200.446	
	Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư PTHT KTXH các huyện nghèo)									
I	Huyện Mường Ảng		74.000	34.000	48.096	20.352	10.904	10.904	48.096	
1	Trường mầm non Hoa Hồng, thị trấn Mường Ảng	1410/QĐ-UBND 13/8/2022	34.000	34.000	23.096	7.852	10.904		34.000	Bổ trí gọn 1 nguồn Tiểu DA 1
2	Đường liên xã Mường Đăng - Ngồi Cáy (từ bản Chan I đi Chan II, xã Mường Đăng đi Chan III, xã Ngồi Cáy)	1411/QĐ-UBND 13/8/2022	40.000		25.000	12.500		10.904	14.096	LG vốn Tiểu dự án 2 (DA1) 25.904 trđ
II	Huyện Tủa Chùa		14.990	14.990	29.000	28.990	10	10	29.000	
1	Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	1867/QĐ-UBND 10/8/2022	14.990	14.990	15.000	14.990		10	14.990	Huyện TC đã phê duyệt TMĐT dự án <15 tỷ đồng
2	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đun				14.000	14.000	10		14.010	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn GNBV	Tổng số	Tr.đó: Đã giao năm 2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
III	Huyện Tuần Giáo		79.000	79.000	79.000	47.378	27.000	27.000	79.000	
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	65.000	65.000	52.000	38.689	13.000		65.000	Bổ trí dứt điểm một nguồn Tiểu DA 1
2	Đường liên xã Quài Cang - Tòa Tình				27.000	8.689		27.000	-	Hủy bỏ danh mục, chuyển sang sử dụng vốn của Tiểu DA2
3	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Mùn Chung		14.000	14.000	0	0	14.000		14.000	Bổ sung DMDA để sử dụng hết NV giảm từ DA Đường liên xã Quài Cang – Tòa Tình
IV	Huyện Mường Nhé		19.995	19.995	44.350	15.000	5.005	5.005	44.350	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Chung Chải số 2	820/QĐ-UBND 11/8/2022	14.995	14.995	15.000	10.000		5	14.995	Huyện MN đã phê duyệt TMDT dự án <15 tỷ đồng
2	Trường phổ thông DTBT tiểu học Quảng Lâm, xã Quảng Lâm				19.350	-	5		19.355	Điều chỉnh tên dự án: "Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Quảng Lâm"
2	Kè bảo vệ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Nhé (Chiều dài 350m)	825/QĐ-UBND 11/8/2022	5.000	5.000	10.000	5.000		5.000	5.000	Phê duyệt giảm TMDT
3	Sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non Huổi Léch, xã Huổi Léch				-	-	5.000		5.000	Bổ sung DMDA để sử dụng hết NV giảm từ DA Kè bảo vệ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Nhé